

Số: 68 /QĐ-UBND

Sơn Động, ngày 28 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia
Giảm nghèo bền vững (chương trình 135) năm 2020 (Đợt 1)**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao vốn kế hoạch đầu tư công, chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020 (đợt 1).

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 08/Trr-TCKH ngày 17/2/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ chi tiết vốn ngân sách Trung ương thuộc kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững (chương trình 135) năm 2020. Vốn đầu tư phát triển là 23,98 triệu đồng (Bằng chữ: Hai mươi ba tỷ chính trăm tám mươi triệu đồng).

(Chi tiết theo biểu kèm theo)

Điều 2. Giao cho Phòng Tài chính – Kế hoạch, Kho bạc Nhà nước huyện thanh toán kinh phí và kiểm tra giám sát việc thực hiện thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành;

Phòng Dân Tộc là cơ quan thường trực Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững (chương trình 135) có trách nhiệm kiểm tra đôn đốc và báo cáo tiến độ các công trình dự án theo định kỳ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND-UBND huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Dân tộc, Kho bạc nhà nước, UBND các xã và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký. /

Nơi nhận: /

- Thường trực Huyện ủy, HĐND huyện (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, CVTH;
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quang Ngạn



QUYẾT ĐỊNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG (CHƯƠNG TRÌNH 135) NĂM 2020 ĐỢT 1

(Kèm theo Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 28/02/2020 của UBND huyện Sơn Động)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Xã/Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Số quyết định, ngày, tháng, năm	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư/ giá trị quyết toán	Lũy kế vốn giao 2019	Kế hoạch năm 2020	Hình thức
	Tổng số			55 Công trình	50.699	27.344	23.980	
*	<i>Công trình phê duyệt quyết toán</i>			<i>17 Công trình</i>	<i>22.364</i>	<i>19.120</i>	<i>3.240</i>	
*	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			<i>18 Công trình</i>	<i>17.703</i>	<i>8.224</i>	<i>9.532</i>	
*	<i>Công trình khởi công mới</i>			<i>20 Công trình</i>	<i>10.633</i>	<i>-</i>	<i>11.208</i>	
1	Xã An Bá				1.966	933	1.030	
*	<i>Công trình phê duyệt quyết toán</i>				1.560	933	628	
1	Nhà Văn hóa thôn An Bá,	UBND xã An Bá	97/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của	300 m2	1.560	933	628	Đặc thù
*	<i>Công trình khởi công mới</i>				406		402	
1	Đường bê tông Góc cọng thôn An bá		2020	300m2	406		402	Đặc thù
2	Xã Vĩnh An (xã Vĩnh Khương + An Lập)				4.144	1.586	2.429	
*	<i>Công trình chuyển tiếp</i>				4.144	1.586	2.429	
1	Kéo dài đường BT liên thôn Đồng Tang, Tam Hiệp, Lừa xã Vĩnh Khương	UBND xã Vĩnh An	81b/QĐ-UBND 29/7/2019	Dài 1200m	1.157	834	312	Đặc thù
2	Đường bê tông thôn Doan, Đặng xã Vĩnh Khương		81c/QĐ-UBND, 29/7/2019	Dài 1000m	887	400	478	Đặc thù
3	Nhà văn hóa - thể thao trung tâm xã An Lập		88/QĐ-UBND 19/7/2019	300m2	2.099	352	1.639	Đặc thù
3	Xã Đại Sơn (xã Chiên Sơn+ Quế Sơn)				2.931	964	1.938	
*	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		2019		1.742	964	761	0,0
1	Mương cứng thôn Tân Quang, xã Chiên Sơn		53/QĐ-UBND 29/7/2019	Dài 700m	671	468	197	Đặc thù

STT	Xã/Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Số quyết định, ngày, tháng, năm	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư/ giá trị quyết toán	Lũy kế vốn giao 2019	Kế hoạch năm 2020	Hình thức
2	Đường bê tông khuôn cầu II đi thôn Nà Làng, xã Quế Sơn	UBND xã Đại Sơn	59a/QĐ-UBND, 29/7/2019	Dài 739,75m	1.071	496	564	Đặc thù
*	<i>Công trình khởi công mới</i>				1.189	-	1.177	
1	Nối tiếp mương cứng thôn Tân Quang, xã Chiên Sơn		2020		669		662	Đặc thù
2	Nối tiếp đường bê tông khuôn cầu II, xã Quế Sơn		2020		520		515	Đặc thù
4	Xã Hữu Sản				2.126	1.446	873	
*	<i>Công trình phê duyệt quyết toán</i>				927	827	100	
1	Nhà văn hóa thôn Dân 1	UBND xã Hữu Sản	66a/QĐ-UBND ngày 14/6/2018	190m2	927	827	100	Đặc thù
*	<i>Công trình chuyển tiếp</i>				1.199	619	568	
1	Đường bê tông thôn dân 2 đi co nhân		27QĐ-UBND, 06/8/2019	Dài 1,2km	1.199	619	568	Đặc thù
*	<i>Công trình khởi công mới</i>				207		205	
1	Đường bê tông thôn Sản đi Nà Sao		2020	700m	207		205	Đặc thù
5	Xã An Lạc				3.360	2.008	1.330	
*	<i>Công trình phê duyệt quyết toán</i>				1.193	1080	113	
1	Mương cứng Đập Co Liu-Đầu Đồng thôn Thác	UBND xã An Lạc	6122/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	Dài 1117.5m	1.193	1080	113	Không đặc thù
*	<i>Công trình chuyển tiếp</i>				1.992	928	1.044	
1	Nhà văn hóa thôn Cò Nooc		25a/QĐ-UBND 25-7-2019	140m2	1.000	400	590	Đặc thù
2	Nhà văn hóa thôn Nà Trắng		25b/QĐ-UBND 25-7-2019	145m2	992	528	454	Đặc thù
*	<i>Công trình khởi công mới</i>				176		174	
5	Cứng hóa mương thôn Đồng Khao		2020	200m	176		174	
6	Xã Dương Hưu				5.012	4.988	1.221	
*	<i>Công trình phê duyệt quyết toán</i>				3.716	3.337	379	
1	Đường bê tông liên thôn thôn Thoi, thôn Mừng	UBND xã Dương Hưu	6124/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	Dài 2474 m	3.716	3.337	379	Không đặc thù
*	<i>Công trình chuyển tiếp</i>				1.051	435,92	599	

STT	Xã/Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Số quyết định, ngày, tháng, năm	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư/ giá trị quyết toán	Lũy kế vốn giao 2019	Kế hoạch năm 2020	Hình thức
1	Đường bê tông thôn Khe Khuôi	truu	141a/QĐ-UBND, 30/9/2019	667m	1.051	435,92	599	Đặc thù
*	<i>Công trình khởi công mới</i>				245	-	243	
1	Đường bê tông thôn Lốc		2020	200 m	245		243	Đặc thù
7	Xã Vân Sơn				1.264	190	1.062	
*	<i>Công trình chuyển tiếp</i>				827	190	629	
1	Kéo dài mương cứng Nà ta Nà Đưon	UBND xã Vân Sơn	76a/QĐ-UBND ngày 02/8/2019	Dài 950m	827	190	629	Đặc thù
*	<i>Công trình khởi công mới</i>				437	-	433	
1	Ngâm + đường Nà Pai đi Nà Tưu, Thôn Khả		2020	283m	437		433	Không đặc thù
8	Xã Thanh Luận				793	491	1.020	
*	<i>Công trình chuyển tiếp</i>				516	491	20	
1	Công trình phụ trợ nhà văn hóa thôn Đông Hà	UBND xã Thanh Luận	110a/QĐ-UBND 19/8/2019		516	491	20	Đặc thù
*	<i>Công trình khởi công mới</i>				1.010		1.000	
1	Đường bê tông thôn Đông Hà		2020	500m	733		726	Đặc thù
2	Công trình phụ trợ nhà văn hóa trung tâm xã				277		274	Đặc thù
9	Xã Lệ Viễn				3.905	2.926	1.011	
*	<i>Công trình phê duyệt quyết toán</i>				3.095	2.926	169	
1	Đường bê tông thôn Cướm đi thôn Lọ	UBND xã Lệ Viễn	3636/QĐ-UBND ngày 23/5/2017	145m	3.095	2.926	169	Đặc thù
*	<i>Công trình khởi công mới</i>				850		842	
1	Đường bê tông từ nhà ông Ninh Văn Văn đến nhà ông Nhân Thôn Lạnh		2020	220m2	850		842	Đặc thù
10	Thị trấn Tây Yên Tử (xã Tuấn Mậu + TT Thanh Sơn)				2.959	1.113	1.826	
*	<i>Công trình phê duyệt quyết toán</i>				926	840	86	
1	Công trình phụ trợ nhà văn hóa thôn Đông Thanh	UBND TT Thanh Sơn	45/QĐ-UBND ngày 11/6/2018		926	840	86	Đặc thù
*	<i>Công trình chuyển tiếp</i>				1.245	273	960	

STT	Xã/Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Số quyết định, ngày, tháng, năm	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư/ giá trị quyết toán	Lũy kế vốn giao 2019	Kế hoạch năm 2020	Hình thức	
1	Đường bê tông thôn Thanh Chung	UBND xã Tuấn Mậu	24a/QĐ/UBND 16/7/2019	Dài 1.200m	1.245	273	960	Đặc thù	
*	<i>Công trình khởi công mới</i>				787		779		
1	công trình phụ trợ nhà văn hóa thôn đồng rì	UBND TT Thanh Sơn	2020		265		262	Đặc thù	
2	Cải tạo, nâng cấp, đường bê tông thôn thôn Thống Nhất	UBND TT Thanh Sơn	2020	500m	522		517	Đặc thù	
11	Xã Cẩm Đàn				2.551	1.487	1.064		
*	<i>Công trình phê duyệt quyết toán</i>				2.356	1.487	870		
1	Đường bê tông thôn Thượng	UBND xã Cẩm Đàn	34/QĐ-UBND ngày 06/7/2018	Dài 1015.5m	1.357	1.307	50	Đặc thù	
2	Đường bê tông thôn gốc gạo và thôn Cẩm Đàn		68a/QĐ-UBND 31/7/2019	Dài 800m	999	180	820	Đặc thù	
*	<i>Công trình khởi công mới</i>				195	-	195		
1	Nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa thôn Rộc nầy		2020		197		195		
12	Xã Giáo Liêm				4.003	754	3.209		
*	<i>Công trình chuyển tiếp</i>				1.262	754	495		
1	Mương cứng thôn Rèm, thôn đá Cối	UBND xã Giáo Liêm	123/QĐ-UBND, 25/10/2019	1000m	1.262	754	495	Đặc thù	
*	<i>Công trình khởi công mới</i>				2.741		2.714		
1	Đường bê tông thôn Việt trong xã Giáo Liêm		2020	4,6km	2.287		2.264	Đặc thù	
2	Mương cứng thôn Việt Tiến , khu Việt trong		2020	500m	455		450	Đặc thù	
13	Xã Phúc Sơn (Phúc Thắng+ Thạch Sơn)				4.834	2.852	1.781		
*	<i>Công trình phê duyệt quyết toán</i>				2.764	2.427	336		
1	Nối tiếp đường bê tông thôn đồng Băm	UBND xã Thạch Sơn	5621 ngày 29/10/2014		823	740	82	Không đặc thù	

STT	Xã/Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Số quyết định, ngày, tháng, năm	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư/ giá trị quyết toán	Lũy kế vốn giao 2019	Kế hoạch năm 2020	Hình thức
2	Nhà văn hóa thôn Đồng Cao	UBND xã Thạch Sơn	26/QĐ-UBND ngày 08/6/1018	Diện tích 152m2	1.138	977	161	Đặc thù
3	Đường bê tông Khe Mòong	UBND xã Thạch Sơn	591/QĐ-UBND, 31/10/2016	Dài 620m	803	710	93	Không đặc thù
*	<i>Công trình chuyển tiếp</i>				1.192	425	756	
1	Cải tạo, nâng cấp ngậm suối Cầu, Đá Mài thôn Đồng Mương, thôn Suối Hai	UBND xã Phúc Thắng	4414a/QĐ-UBND, 30/10/2019		1.192	425	756	Không đặc thù
*	<i>Công trình khởi công mới</i>				878		689	
1	Công trình phụ trợ nhà văn hóa thôn Đồng Cao:	UBND xã Phúc Sơn	2020		304		120	Đặc thù
2	Đường bê tông từ UBND xã sang nghĩa trang liệt sỹ	UBND xã Phúc Sơn	2020	200m	574		569	Đặc thù
14	Xã Yên Định				2.707	1.732	975	
*	<i>Công trình phê duyệt quyết toán</i>				1.376	1.310	66	
1	Công trình phụ trợ Nhà văn hóa thôn Nhân Định	UBND xã Yên Định	133/QĐ-UBND ngày 13/5/2018		1.376	1.310	66	Đặc thù
*	<i>Công trình chuyển tiếp</i>				780	422	358	
1	Nhà VH thôn Khe Táu		94/QĐ-UBND 29/7/2019	200m2	780	422	358	Đặc thù
*	<i>Công trình khởi công mới</i>				551	-	551	
1	công trình phụ trợ nhà văn hóa thôn Đồng Hà		2020		557		551	Đặc thù
15	Xã Tuấn Đạo (xã Bồng Am + Tuấn Đạo)				893.287	1.778	864	
*	<i>Công trình phê duyệt quyết toán</i>				1.987	1.778	207	
1	Ngậm nhóm hộ ông Ngời thôn Bảo Tuấn	UBND xã Tuấn Đạo	6129/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	Ngậm dài 10m, rộng 3.5m cao 3m	823	741	80	Không đặc thù
17	Đập thủy lợi Đồng Chanh thôn Mùng	UBND xã Bồng Am	6127/QĐ-UBND ngày 30/10/2017		1.164	1.037	127	Không đặc thù
*	<i>Công trình chuyển tiếp</i>				891.300		94	
1	Đường bê tông thôn Đào Tuấn, thôn Lãn Chè, thôn Đồng Mé, thôn Đồng Sim	UBND xã Tuấn Đạo	77/QĐ-UBND, 25/7/2019		891.300	211	94	Đặc thù

STT	Xã/Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Số quyết định, ngày, tháng, năm	Quy mô xây dựng	Tổng mức đầu tư/ giá trị quyết toán	Lũy kế vốn giao 2019	Kế hoạch năm 2020	Hình thức
*	<i>Công trình khởi công mới</i>				564		564	
1	Đường bê tông cửa kho thôn Nam Bồng	UBND xã Tuấn Đạo	2020	500m	570		564	Đặc thù
16	Xã Long Sơn				1.503	534	969	
*	<i>Công trình chuyển tiếp</i>				939	534	405	
1	Đường bê tông thôn Bàn Bàu	UBND xã Long Sơn	68/QĐ-UBND ngày 05/6/2019	700m	939	534	395	Đặc thù
*	<i>Công trình khởi công mới</i>				564	-	564	
1	Đường bê tông Thôn Tàu: từ nhà ông Thăng huệ đi Quốc lộ 279		2020	400m	580		574	Đặc thù
17	Thị trấn An Châu (thị trấn An Châu+ xã An Châu)				3.961	2.567	1.379	
*	<i>Công trình phê duyệt quyết toán</i>				2.463	2.176	287	
1	Công trình phụ trợ nhà văn hóa khu Đình: hạng mục tường rào, nhà vệ sinh, đường nội bộ, rãnh thoát nước	Thị trấn An Châu	5892/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	Tường rào 27 m, đường 67 m, rãnh 62 m; 01 nhà VS	733	633	100	Không đặc thù
2	Đường bê tông khu Cại		52/QĐ-UBND ngày 21/6/2018	Dài 358m	795	699	96	Đặc thù
3	Công trình phụ trợ NVH thôn Hạ 1	UBND xã An Châu	6130/QĐ-UBND ngày 30/10/2017		935	844	91	Đặc thù
*	<i>Công trình chuyển tiếp</i>				815	391	416	
1	Đường bê tông khu 6,	UBND TT An Châu	71a/QĐ/UBND 02/8/2019	Dài 700m	815	391	416	Đặc thù
*	<i>Công trình khởi công mới</i>				683	-	677	
4	Đường bê tông thôn Mò	UBND TT An Châu	2020	800m	683		677	Đặc thù

Bảng chữ: (Hai mươi ba tỷ, chín trăm tám mươi triệu đồng chẵn)